

Số: 137 /NQ-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày 23 tháng 10 năm 2017

**NGHỊ QUYẾT**

**Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên Quý III/2017**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua ngày 21/4/2016;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-HĐQTCSTB ngày 28/8/2016 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên về việc ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên;

Căn cứ Biên bản số 136/BB-HĐQTCSTB ngày 24/10/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua Báo cáo số 1020/BC-CSTB ngày 23/10/2017 của Tổng Giám đốc Công ty về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD quý III và phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2017 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên. Với một số nội dung chính như sau:

1. Sản lượng cao su khai thác được 2.935,55 tấn, đạt 99,95 % so với kế hoạch 2.937 tấn, Lũy kế được 5.377,73 tấn, đạt 68,95 % kế hoạch năm.

2. Sản lượng thu mua được 278,53 tấn, đạt 232,11 % so với kế hoạch 120 tấn, Lũy kế được 1.040,9 tấn đạt 104,09 % so với kế hoạch 1.000 tấn.

3. Chế biến sản lượng cao su được: 2.962,78 tấn cao su các loại, đạt 96,92 % so với kế hoạch (3.057 tấn). Lũy kế chế biến được 6.161,06 tấn, đạt 70,01 % so với kế hoạch năm 8.800 tấn, (trong đó thu mua 1.000 tấn).

*Gia công mủ cao su cho bên ngoài:* (đến hết ngày 30/09/2017) được 1.244,2 tấn.

4. Tiêu thụ :

**- Mủ Công ty:**

Sản lượng tiêu thụ được 2.694,011 tấn cao su các loại đạt 125,89 % so với kế hoạch ( 2.400 tấn ).

Doanh thu tiêu thụ được 99,791 tỷ đồng.

Giá bán bình quân được: 37,041 triệu đồng/tấn.

\* Lũy kế sản lượng tiêu thụ từ đầu năm là 5.820,204 tấn, đạt 66,14 % so với kế hoạch năm (8.800 tấn); Doanh thu tiêu thụ được 250,208 tỷ đồng, đạt 81,24 % KH năm (308 tỷ đồng); Giá bán bình quân từ đầu năm đến nay được 42,989 triệu đồng/tấn, so với cùng kỳ tăng 13,486 triệu đồng/tấn

**- Hàng hóa cao su:**

Sản lượng tiêu thụ được 606,033 tấn cao su các loại

Doanh thu tiêu thụ được 21,589 tỷ đồng.



CHI TIÊU		Ma số	Thuyết minh	Lũy kế 9 tháng
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	122.401.801.713
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	122.401.801.713	278.129.942.973
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	93.727.932.795
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	28.673.868.918	93.641.880.483
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.451.115.785
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.04	27.350.780
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	24.109.692	84.076.425
8	Chi phí bán hàng	24	739.643.933	1.837.785.018

Đơn vị tính: Đồng

kinh doanh như sau:

**Điều 2.** Thông nhất thông qua Báo cáo quyết toán tài chính quý III năm 2017 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (Báo cáo Riêng), với một số nội dung chính của kết quả

giao công tác của Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Chuẩn bị tốt hồ sơ, thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và bàn đến 10% kế hoạch sản lượng năm 2017.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành để phần đầu hoàn thành và vượt khoản từ 5

*một số công tác như sau:*

\* Trong phương hướng 3 tháng còn lại Ban điều hành cần lưu ý, tập trung thêm

34,795 tỷ đồng, lượng bình quân là 5,55 triệu đồng/người/tháng.  
- Trong quý 3/2017, lao động bình quân 2.088 người, tổng quỹ lương thực hiện là

7. Lao động - tiền lương:

57,137 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách nhà nước (số phải nộp trong kỳ) 12,712 tỷ đồng. Lũy kế được

- Lợi nhuận trước thuế được 53,405 tỷ đồng. Lũy kế được 269,501 tỷ đồng.

6. Lợi nhuận và nộp ngân sách:

su thành lý là 192,882 tỷ đồng.

thanh lý là 28,293 tỷ đồng. Lũy kế được 199,818 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu từ bán cây cao

- Doanh thu hoạt động khác là: 31,224 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu từ bán cây cao su

- Doanh thu hoạt động tài chính được 1,451 tỷ đồng. Lũy kế được 4,982 tỷ đồng.

5. Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu hoạt động khác:

thứ được 24,049 tỷ đồng; Giá bán bình quân từ đầu năm đến nay được 36,492 triệu đồng/tấn

\* Lũy kế sản lượng tiêu thụ từ đầu năm là 659,033 tấn cao su các loại. Doanh thu tiêu

Giá bán bình quân được: 35,449 triệu đồng/tấn.

Mức lương của Người quản lý được căn cứ theo hàng doanh nghiệp và các tiêu chuẩn xếp hạng doanh nghiệp vận dụng quy định tại Thông tư 23/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC. Trong tiêu chuẩn xếp hạng doanh nghiệp, đã tính yếu tố công thêm phụ cấp khu vực theo quy định Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND.

Tổng Giám đốc Công ty, với nội dung chính như sau:

**Điều 5.** Thông nhất thông qua Tờ trình số 1017/TT-Tr-CSTB ngày 24/10/2017 của

2021.  
- Bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nhiệm kỳ 2016-2021.  
đôi với ông Huỳnh Hữu Minh.

- Thông qua đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

2. Nội dung:  
- Địa điểm: Nhà văn hoá Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

- Thời gian: 08 giờ, ngày 17/11/2017.  
1. Thời gian, địa điểm họp HĐQT bất thường:  
đồng cổ đông bất thường năm 2017, như sau:

**Điều 4.** Thông nhất thông nhất chủ trương thời gian và nội dung tổ chức họp Đại hội

**Điều 3.** Thông nhất thông qua báo cáo tình hình thực hiện trích lập và sử dụng Quỹ

Khen thưởng, Phúc lợi, Quỹ lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành đến ngày 30/9/2017, như sau:

Số dư cuối kỳ

Phát sinh trong kỳ

Tang

Giảm

Ma

Tên tài khoản

Số dư đầu kỳ

353

Quỹ khen thưởng phúc lợi (12 461 200 771)

33 461 485 937

20 690 704 087

309 581 079

3531

Quỹ khen thưởng (15 868 277 570)

25 995 778 739

13 670 659 650

(3 543 158 481)

3532

Quỹ phúc lợi 3 567 276 799

7 293 606 084

6 834 844 437

4 026 038 446

3534

Quỹ thưởng BQLĐH (160 200 000)

172 101 114


185 200 000

(173 298 886)

9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.080.815.343	22.816.209.303
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25+26)}	30	23.277.174.647	71.047.749.551
11	Thu nhập khác	31	31.223.799.789	199.817.531.681
12	Chi phí khác	32	1.095.631.823	1.364.746.112
13	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	30.128.167.966	198.452.785.569
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	53.405.342.613	269.500.535.120
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.302.002.961	39.913.292.907
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	47.103.339.652	229.587.242.213
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	536	2.614
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	-	-



Vì vậy, mức lương của người quản lý tại Bảng lương (C) được Tập đoàn quy định theo chức danh của hạng doanh nghiệp, gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành (*Không áp dụng phụ cấp khu vực, phụ cấp chức vụ, các khoản phụ cấp khác*).

**Điều 6.** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đúng nội dung Nghị quyết này. / 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- KSV Cty;
- CĐ Công ty;
- Lưu: VT.



**Huỳnh Hữu Minh**